

Bản án số: 270/2024/DS-ST

Ngày 27 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Thái Hoàng Bo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau và điểm cầu thành phần trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C; Địa chỉ: Số A, L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Quốc V – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; (văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019) (có mặt);

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Bà D có ký hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng cụ thể:

Ngày 26/7/2016, số khế ước vay 66000000708042201, lãi suất vay 0.75%, lãi quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, hạn trả ngày 11/7/2021, tổng số tiền là 15.183.196 đồng, trong đó vốn vay 12.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/8/2024 là 3.185.000 đồng.

Ngày 11/9/2019, số khế ước vay 66000000715932540, lãi suất vay 0.6875%, lãi quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, hạn trả ngày 11/8/2024, tổng số tiền là 8.017.000 đồng, trong đó vốn vay 8.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/8/2024 là 17.000 đồng. Trước đây nợ lãi của khoản vay này là 3.277.266 đồng, bà D có trả 3.204.172 đồng và ngày 18/8/2024 trả thêm 56.054 đồng. Nên lãi của khoản vay này tính đến ngày 27/8/2024 là 17.000 đồng.

Quá trình vay vốn bà D chưa trả tiền gốc, số lãi thì trả được như nêu trên. Hiện tại hai khoản vay trên đã đến hạn trả nợ gốc và lãi theo phân kỳ trả nợ nhưng bà D không thực hiện đúng cam kết vay tiền, phía Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D chưa thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà D và ông L cùng có trách nhiệm trả số tiền 23.202.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm tất toán xong nợ vay.

** Bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà thừa nhận cùng ông L vay vốn như Ngân hàng trình bày, nhưng do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bà yêu cầu được trả dần cho Ngân hàng.

** Đối với ông Nguyễn Văn L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ cho ông L nhưng ông L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không tham gia hòa giải và xét xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà D và ông L cùng có nghĩa vụ liên đới trả vốn, lãi theo thỏa thuận vay với Ngân hàng, tổng số tiền là 23.202.000 đồng, trong đó vốn vay 20.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/8/2024 là 3.202.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự được miễn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227

của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thấy rằng:

[2.1] Theo khế ước vay vốn mà bà D là đại diện hộ gia đình đã thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, bà D vay vốn hai khoản, theo chương trình hộ mới thoát nghèo và theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn. Bà D được Ngân hàng giải ngân nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ nợ, chuyển sang nợ quá hạn. Thời gian thực hiện hợp đồng đã không trả vốn lãi đầy đủ như đã cam kết, do vậy Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2024 bà D còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn lãi là 23.202.000 đồng.

[2.2] Đối với việc thực hiện trả nợ lãi tiếp theo theo hợp đồng tín dụng: Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện: “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*”. Từ quy định nêu trên, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Tại giấy ủy quyền ngày 05/8/2019, ông L có ủy quyền cho bà D thực hiện vay vốn tại Ngân hàng đồng thời cam kết cùng bà D chịu trách nhiệm tất cả các khoản vay. Ông L cũng không có ý kiến gì phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, buộc bà D, ông L cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn, lãi như trên cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà D và ông L phải chịu 1.160.100 đồng. Tuy nhiên, bà D và ông L thuộc trường hợp miễn án phí, có đơn và được xét miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Đ tính đến ngày 27/8/2024 số tiền 23.202.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng), trong đó tiền vốn là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.202.000 đồng (ba triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

1.2. Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng C theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/8/2024 bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Trúc

